

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 21/6/2024
“V/v Ly hôn giữa chị Dương Ngọc
H và anh Lý Thanh C”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Huyền.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Dương Ngọc H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số B ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Chị H có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Anh Lý Thanh C, sinh năm 1973; HKTT: Số B ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên hệ: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Anh C có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Ngọc H trình bày:

Chị H và anh Lý Thanh C cưới nhau từ tháng 01/1994, đăng ký kết hôn ngày 17/10/2003 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80. Chị H và anh C chung sống đến khoảng tháng 5/2020, thì không còn chung sống đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly thân do không cùng quan điểm trong cuộc sống, không ai quan tâm đến ai, anh C ép chị H làm đơn xin hôn với anh C. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị H yêu cầu được ly hôn anh C. Quá trình sống chung chị H và anh C có 01 con chung tên Lý Thị Mỹ V, sinh ngày 11/02/1995.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Dương Ngọc H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị H cho rằng chị H không còn tình cảm với anh Lý Thanh C, nên chị H yêu cầu ly hôn với anh C; Về con chung, do con chung đã trưởng thành có khả năng lao động, nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung, chị H không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lý Thanh C trình bày:

Anh C thống nhất với chị H thời gian cưới nhau, thời gian đăng ký kết hôn. Anh C không còn chung sống với chị H từ trước Tết nguyên đán năm 2022 đến nay. Nguyên nhân không còn sống chung do chị H không cho anh C gần gũi chị H trong chuyện vợ chồng, chị H là người chủ động xin ly hôn anh C trước. Nay anh C không đồng ý theo yêu cầu của chị H, lý do còn thương chị H, yêu cầu đoàn tụ gia đình.

Tại phiên tòa anh C không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H vì anh C muốn chị H phải rõ ràng chuyện tiền bạc mới chịu ly hôn. Cụ thể anh C cho rằng chị H cần đưa cho anh C một khoản tiền thì anh C mới đồng ý ly hôn với chị H. Anh C thống nhất vợ chồng có 01 (một) con chung tên Lý Thị Mỹ V, sinh ngày 11/02/1995, hiện đã trưởng thành có khả năng lao động. Về chia tài sản, nợ chung anh C thống nhất với chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Dương Ngọc H xin ly hôn anh Lý Thanh C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị H và anh C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn là anh Lý Thanh C có địa chỉ thường trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Dương Ngọc H và anh Lý Thanh C đăng ký kết hôn vào ngày 17/10/2003 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80 là chứng cứ chứng minh. Vì thế, có đủ cơ sở để xác định việc đăng ký kết hôn của chị H và anh C đã đảm bảo các điều kiện kết hôn và tuân thủ quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm đăng ký kết hôn, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Chị H và anh C sống chung được một thời gian khá dài thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2022 vợ chồng không còn sống chung và quan tâm nhau. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, không còn yêu thương nhau.

Do không còn tình cảm với anh C, và không thể tiếp tục chung sống với anh C nên chị H đã thực hiện quyền yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án anh C không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương vợ, muốn hàn gắn tình cảm để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình. Tại phiên tòa anh C vẫn không đồng ý ly hôn nhưng với lý do là anh C muốn chị H phải rõ ràng chuyện tiền bạc mới chịu ly hôn. Cụ thể anh C cho rằng chị H cần đưa cho anh C một khoản tiền thì anh C mới đồng ý ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị H và anh C xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau cách nay khoảng 02 (hai) năm, dù đã được Tòa án tổ chức hòa giải về tình cảm để vợ chồng đoàn tụ nhưng đến nay vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy vợ chồng chị H và anh C không còn tình cảm yêu thương, vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên đã đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Dương Ngọc H để cho vợ chồng chị H và anh C ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh C đều thống nhất trình bày vợ chồng có 01 (một) con chung tên Lý Thị Mỹ V, sinh ngày 11/02/1995, hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động không yêu cầu giải quyết.

[4] Về chia tài sản: Do chị Dương Ngọc H và anh Lý Thanh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do chị Dương Ngọc H và anh Lý Thanh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Dương Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 19, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Các điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:**1. Về hôn nhân:**

Cho ly hôn giữa chị Dương Ngọc H và anh Lý Thanh C.

2. Về nuôi con chung: Do con chung đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Dương Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003476 ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (Chị H đã nộp đủ án phí).

Chị Dương Ngọc H và anh Lý Thanh C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND xã L;
- (GCNKH số 80 ngày 17/10/2003)
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Mỹ Xuân